

Tuần 1 (6/9-11/9)

BÀI 1: DÂN SỐ

1. Dân số, nguồn lao động

Làm thế nào biết được dân số, nguồn lao động ở một địa phương, một quốc gia?

.....

.....

.....

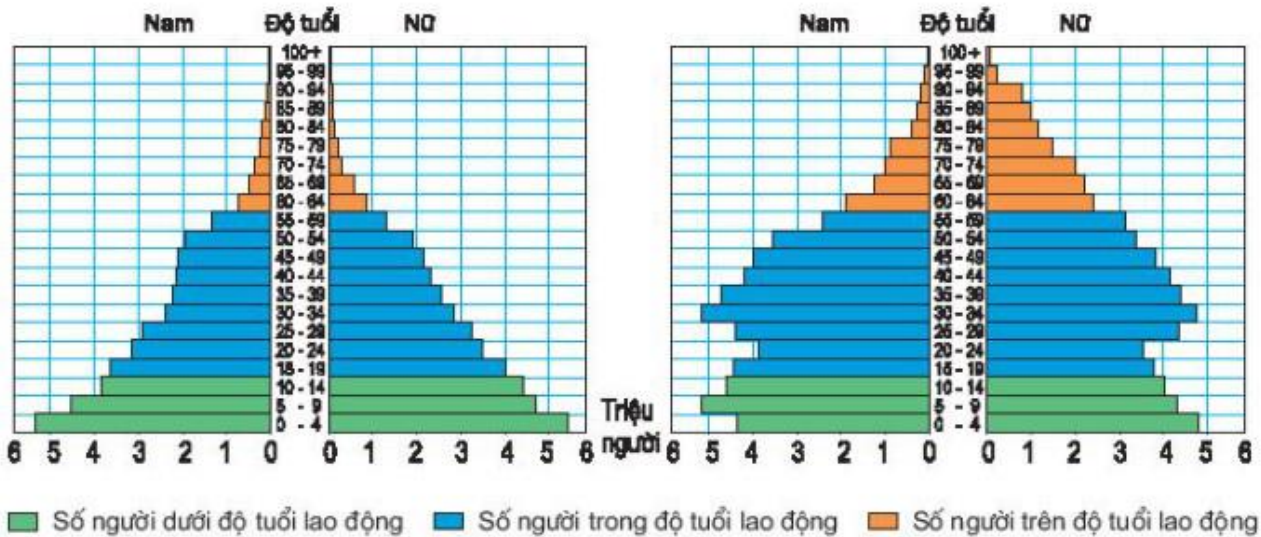
Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia?

.....

.....

.....

Hãy quan sát lược đồ tháp tuổi dưới đây:



Hình 1.1 - Tháp tuổi

Hãy cho biết: Tháp tuổi cho biết điều gì về dân số?

.....

.....

+ Trong tổng số trẻ em từ khi mới sinh ra cho đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu trẻ em trai và bao nhiêu trẻ em gái?

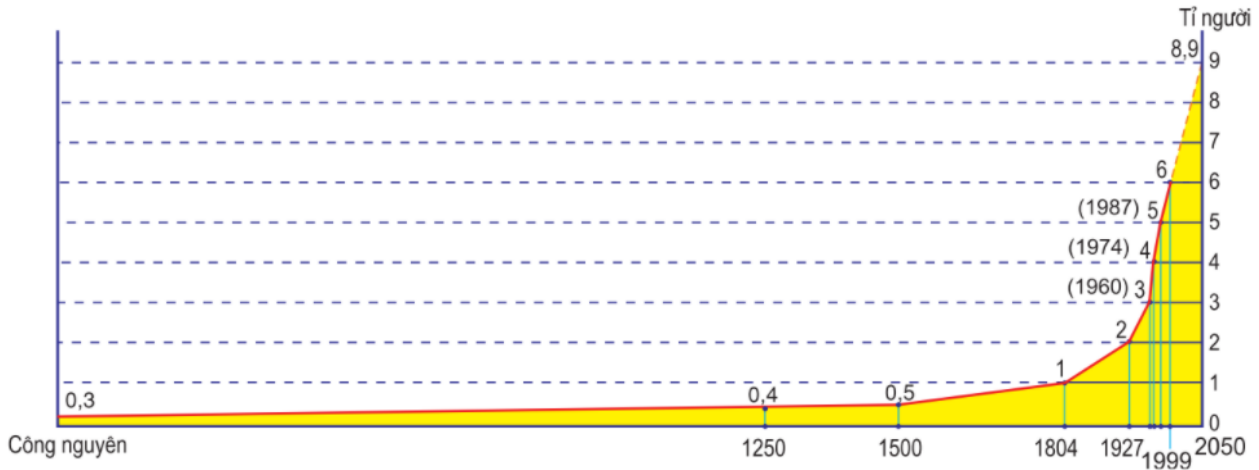
.....

.....

+ Hình dạng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào? Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao?

.....

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX



Hình 1.2 - Biểu đồ dân số thế giới từ đầu Công nguyên và dự báo đến năm 2050

Dân số thế giới tăng nhanh từ năm nào và tăng vọt từ năm nào?

.....

Do những nguyên nhân nào làm cho dân số thế giới tăng nhanh?

.....

Bài tập: Hãy chọn câu trả lời đúng:

Câu: 1 Căn cứ vào hình dáng của tháp tuổi ta không thể biết:

- A. Các độ tuổi của dân số.
- B. Số lượng nam và nữ.
- C. Số người sinh, tử của một năm.
- D. Số người dưới tuổi lao động.

Câu: 2 Sự bùng nổ dân số diễn ra vào năm:

- A. 1500. B. 1804.
- C. 1927. D. 1950.

Câu: 3 Năm 2001 dân số thế giới khoảng:

- A. 4 tỉ người.
- B. 5 tỉ người.

C. 6,16 tỉ người

D. 6,5 tỉ người.

Câu: 4 Trường hợp nào dưới đây sẽ dẫn đến sự tăng nhanh dân số:

- A. Tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử cao.
- B. Tỉ lệ sinh giảm, tỉ lệ tử giảm.
- C. Tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử giảm.
- D. Tỉ lệ tử cao, tỉ lệ sinh giảm.

Câu: 5 Sự bùng nổ dân số đang diễn ra ở các châu lục nào dưới đây:

- A. Châu Đại Dương.

- B. Bắc Mĩ.
- C. Châu Âu.

D. Nam Mĩ.

NẾU CÓ THẮC MẮC GÌ HS CÓ THỂ GHI LẠI NỘI DUNG THẮC MẮC VÀO PHIẾU NÀY

NỘI DUNG	Câu hỏi
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI 2. SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

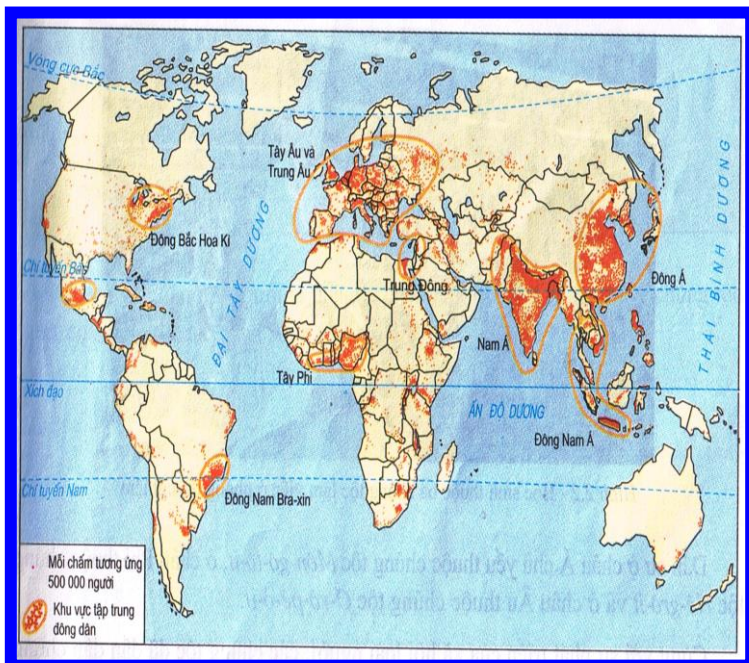
1. Sự phân bố dân cư

- Mật độ dân số cho biết tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước, ...

- Công thức:

$$M\text{ĐDS} = \frac{\text{Dân số (người)}}{\text{Diện tích (Km}^2\text{)}}$$

Tên nước	Diện tích Km ²	Dân số (triệu người)	MĐDS
Việt Nam	330.991	78,7
Trung Quốc	9.597.000	1.273,3
Indônêxia	1.919.000	206,1



Quan sát hình, cho biết:

Những khu vực tập trung đông dân;

.....

Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất:

.....

.....
.....

LUYỆN TẬP

Hãy chọn câu trả lời đúng:

Câu: 1 Tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước được thể hiện qua:

- A. mật độ dân số.
- B. tổng số dân.
- C. gia tăng dân số tự nhiên.
- D. tháp dân số.

Câu: 2 Những khu vực tập trung đông dân cư là:

- A. Đông Á, Đông Nam Á, Bắc Phi.
- B. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.
- C. Nam Á, Bắc Á, Bắc Mỹ.
- D. Nam Á, Đông Á, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Câu: 3 Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất là:

- A. Đông Bắc Hoa Kỳ, Nam Á.
- B. Nam Á, Đông Á.
- C. Đông Nam Á, Đông Á.
- D. Tây Âu và Trung Âu, Tây Phi.

Câu: 4 Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Đông Nam Bra-xin.
- B. Tây Âu và Trung Âu.
- C. Đông Nam Á.
- D. Bắc Á.

Tuần 2 (13/9 – 18/9)

BÀI 3. QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HÓA

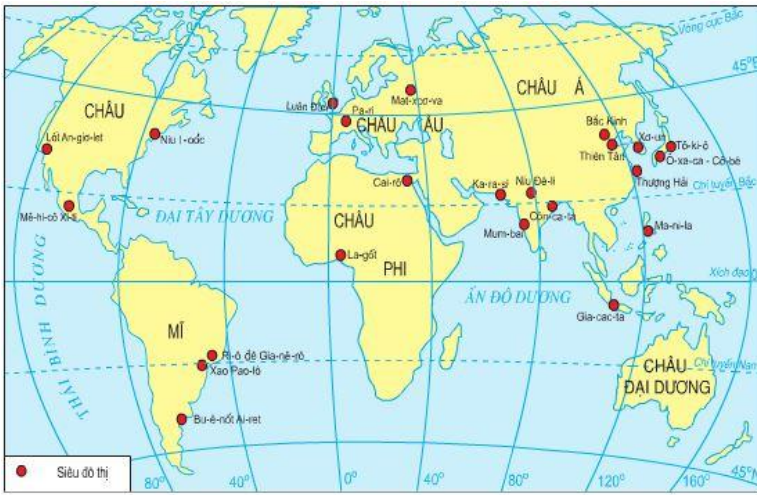
1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Sau khi quan sát hình ảnh, hãy điền vào bảng sau:



Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Mật độ dân số	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
Nhà cửa	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
Hoạt động kinh tế	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

2. Đô thị hóa - Các siêu đô thị



Trên thế giới có bao nhiêu siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên?

Châu lục nào có nhiều siêu đô thị từ 8 triệu dân trở lên nhất? Đọc tên:

Em hãy kể tên các đô thị lớn trên thế giới

LUYỆN TẬP: Hãy khoanh vào câu trả lời đúng

Câu: 1 Sự phát triển nhanh chóng các siêu đô thị ở nhóm nước đang phát triển gắn liền với:

- A. gia tăng dân số nhanh và tình trạng di cư ồ ạt từ nông thôn đến đô thị.
- B. sự phát triển mạnh mẽ nền sản xuất công nghiệp hiện đại.
- C. chính sách phân bố dân cư của nhà nước.
- D. sự phân bố các nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có.

Câu: 2 Quần cư thành thị phổ biến hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp và dịch vụ.
- B. Nông – lâm – ngư – nghiệp.
- C. Công nghiệp và nông – lâm – ngư - nghiệp.
- D. Dịch vụ và nông – lâm – ngư nghiệp.

Câu: 3 Các đô thị bắt đầu xuất hiện rộng khắp thế giới vào thời kì nào?

- A. Thời Cổ đại.
- B. Thế kỉ XIX.
- C. Thế kỉ XX.
- D. Thế kỉ XV.

Câu: 4 Châu lục tập trung nhiều siêu đô thị nhất là:

- A. châu Âu.
- B. châu Á.
- C. châu Mỹ.
- D. châu Phi.

Câu: 5 Đâu không phải là siêu đô thị thuộc châu Á?

- A. Cai-rô.

B. Thiên Tân.

C. Mum-bai.

D. Tô-ki-ô.

Câu: 6 Hai siêu đô thị đầu tiên trên thế giới là:

A. Niu-I-oóc và Bắc Kinh.

B. Niu-I-oóc và Luân Đôn.

C. Luân Đôn và Thượng Hải.

D. Pa-ri và Tô-ki-ô.

Câu: 7 Số lượng các siêu đô thị tăng nhanh nhất ở nhóm các nước nào sau đây?

A. các nước phát triển.

B. các nước kém phát triển.

C. các nước đang phát triển.

D. các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Câu: 8 Đâu không phải là đặc điểm của quần cư thành thị?

A. Phổ biến lối sống thành thị.

B. Mật độ dân số cao.

C. Hoạt động kinh tế chủ yếu là dịch vụ du lịch.

D. Nhà cửa tập trung với mật độ cao.

Câu: 9 Ý nào dưới đây thể hiện đúng đặc điểm của quá trình đô thị hóa trên thế giới?

A. Tỷ lệ người sống ở nông thôn ngày càng tăng.

B. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.

C. Phổ biến các hoạt động sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp.

D. Các đô thị đầu tiên mới xuất hiện vào thế kỉ XIX.

Câu: 10 Đâu không phải là hậu quả của đô thị hóa tự phát?

A. Ô nhiễm môi trường.

B. Ách tắc giao thông đô thị.

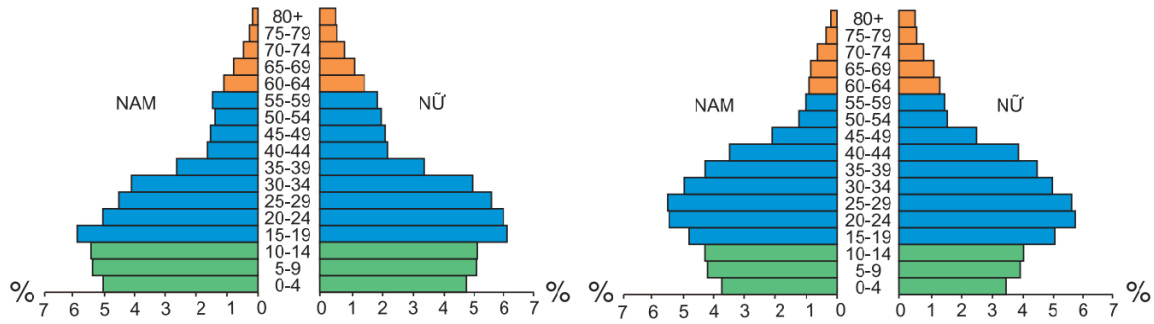
C. Gia tăng tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị.

D. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

BÀI 4: THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

1. Đọc, phân tích biểu đồ tháp tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

HS quan sát H 4.2 và H 4.3.



Hình 4.2 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh

Hình 4.3 - Tháp tuổi TP. Hồ Chí Minh

? Hình dạng hai tháp tuổi có gì thay đổi?

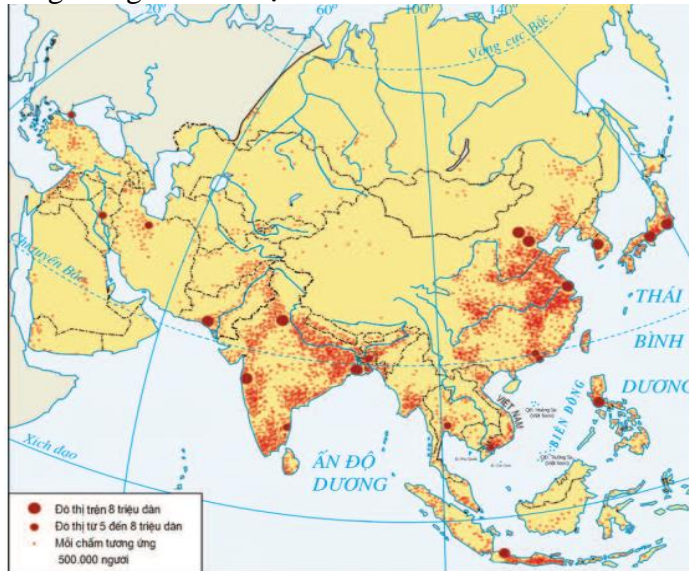
? Nhắc lại độ tuổi trong từng nhóm tuổi?

? Nhóm tuổi nào tăng về tỷ lệ, nhóm tuổi nào giảm về tỷ lệ?

? Vậy em có nhận xét gì về tình hình dân số Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm qua?

2. Sự phân bố dân cư Châu Á

Quan sát H 4.4 SGK, đọc bảng chú giải trên lược đồ.



Hình 4.4 - Lược đồ phân bố dân cư châu Á

? Những khu vực tập trung nhiều chấm đỏ nói lên điều gì?

? Xác định và đọc tên các đô thị lớn và vừa ở Châu Á?

? Vị trí các đô thị lớn có đặc điểm chung gì?

? Xác định trên bản đồ các siêu đô thị thuộc những quốc gia nào?

LUYỆN TẬP: Chọn câu trả lời đúng

Câu 1: Ở tỉnh Thái Bình nơi có mật độ dân số cao nhất là?

- A.Thị xã Thái Bình
- B.Huyện Đông Hưng
- C.Huyện Hưng Hà
- D.Huyện Vũ Thư

Câu 2: Ở tỉnh Thái Bình nơi có mật độ dân số thấp nhất là?

- A.Huyện Đông Hưng
- B.Huyện Tiền Hải
- C.Huyện Vũ Thư
- D.Huyện Thái Thủy

Câu 3: Nơi tập trung đông dân cư

- A.Tây Á
- B.Bắc Á
- C.Trung Á
- D.Đông Nam Á

Câu 4: Nước nào đông dân cư ở Đông Nam Á

- A.Singapo
- B.Thái Lan
- C.Campuchia
- D.Trung Quốc

Câu 5: Các đô thị lớn ở Châu Á thường tập trung ở

- A.Ven biển, sông
- B.Đồng bằng
- C.Vùng núi
- D.Trung du

Tuần 3 (20/9-25/9)

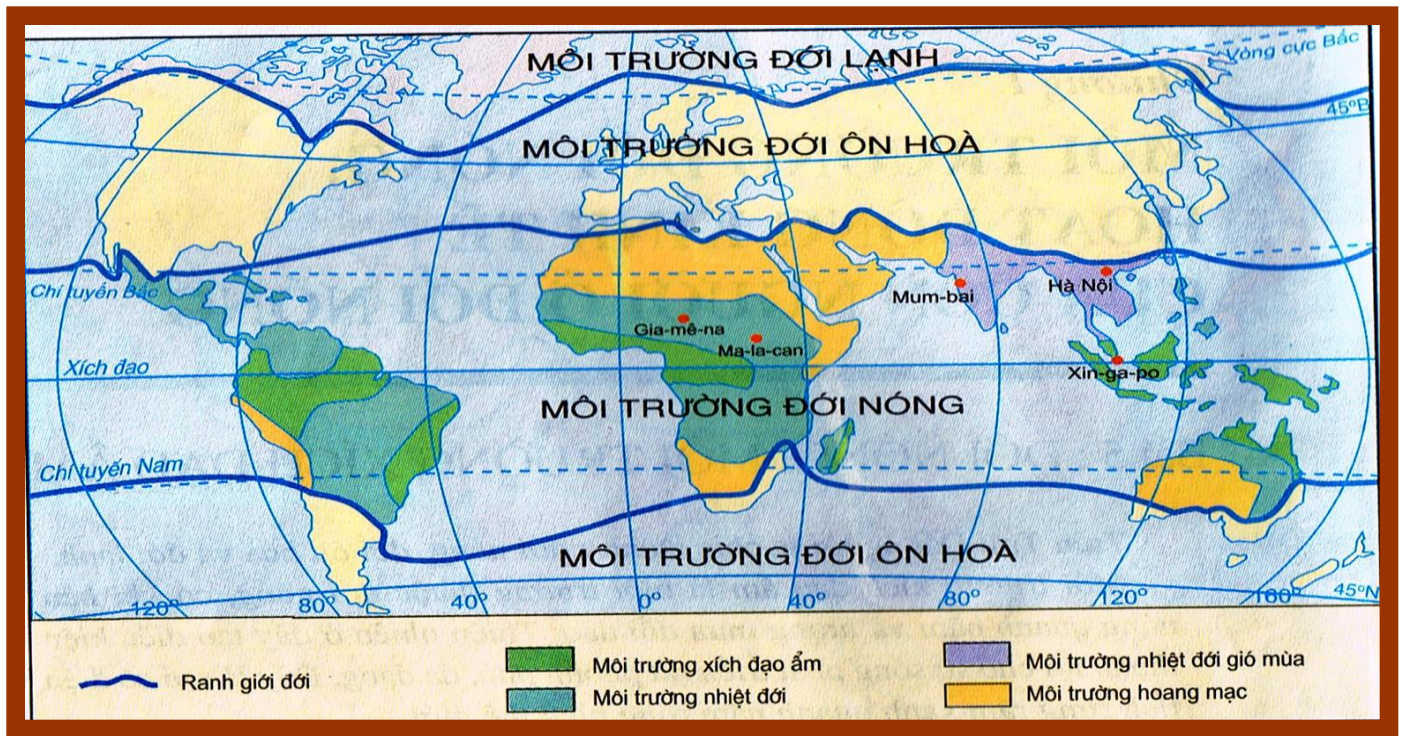
BÀI 5. ĐỚI NÓNG – MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

1. Đới nóng

Xác định giới hạn môi trường đới nóng?

.....

.....



? Nêu tên các kiểu môi trường đới nóng:

.....

- Nội dung

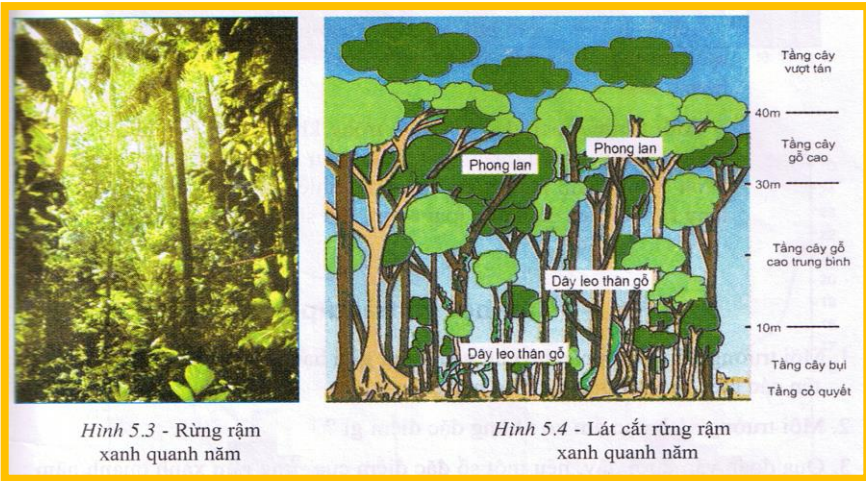
Tiêu chí	Thông tin
Vị trí	
Nhiệt độ	
Gió	
Diện tích	
Sinh vật	
Dân số	
Quốc gia tiêu biểu	
Các môi trường	

2. Môi trường xích đạo ẩm

Quan sát hình, điền thông tin vào khung:

1. Nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất. Chênh lệch bao nhiêu?	1. Tháng nào không mưa
---	---------------------------------

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>2. Đường biểu diễn nhiệt độ TB tháng có đặc điểm gì?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>3. Nhiệt độ TB năm?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>2. Đặc điểm lượng mưa các tháng</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>3. Lượng mưa TB năm?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>- Kết luận chung về nhiệt độ?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>- Kết luận chung về lượng mưa?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>



**Cho biết, rừng có mấy tầng chính?
Tại sao rừng ở đây lại có nhiều tầng?**

.....

.....

.....

.....

.....

Hiện nay, rừng rậm nhiệt đới đang bị suy giảm nhanh. Hãy tìm hiểu các vấn đề sau:

+ Nguyên nhân của việc suy giảm

.....

.....

+ Hậu quả

.....

.....

+ Giải pháp

.....

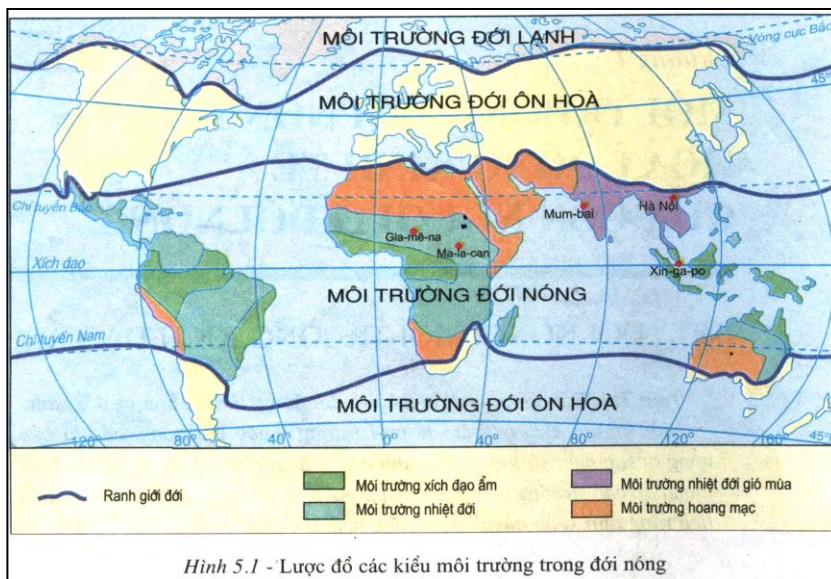
.....

LUYỆN TẬP: Đánh Đ nếu câu đúng, S cho câu sai

- Đới nóng nằm giữa hai chí tuyến
 - Đới nóng có ở tất cả các châu lục
 - Đới nóng là nơi có gió Tín phong
 - Môi trường xích đạo ẩm tiêu biểu ở Indonesia
 - Môi trường xích đạo ẩm có mưa cao vào mùa hè
 - Môi trường xích đạo ẩm có biên độ nhiệt nhỏ
 - Môi trường xích đạo ẩm có rừng phát triển, 3 tầng tán
 - Môi trường xích đạo ẩm có ở Việt Nam
 - Đới nóng có 3 môi trường
 - Môi trường xích đạo ẩm nằm từ 10 độ Bắc đến Nam

BÀI 6: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

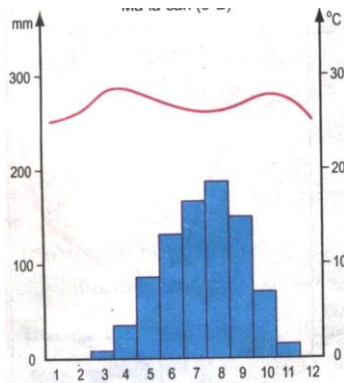
1. Khí hậu



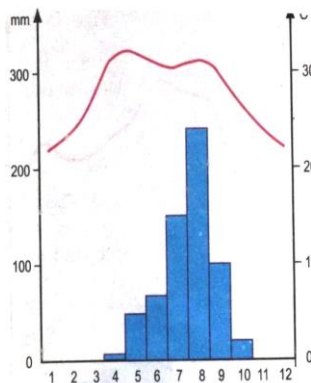
Hãy xác định vị trí, giới hạn môi trường nhiệt đới trên lược đồ?

.....

? Dựa vào biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Ma-la-can và Gia-mê-na, hãy phân tích nhiệt độ và lượng mưa?



Hình 6.1 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Ma-la-can (Xu-dăng)



Hình 6.2 - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Gia-mê-na (Sát)

Yếu tố	Ma-la-can (9 ⁰ B)	Gia –mê- na (12 ⁰ B)
Nhiệt độ cao nhất
Nhiệt độ thấp nhất
Biên độ nhiệt độ
Lượng mưa cả năm
Các tháng có mưa
Tháng khô hạn

2. Các đặc điểm khác của môi trường

Hãy khoanh vào câu trả lời đúng?

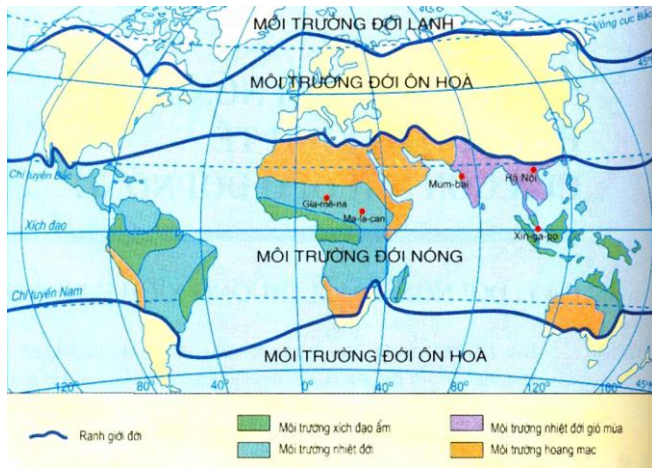
- 1.1 năm ở môi trường nhiệt đới có 2 mùa
2. Mùa mưa, sinh vật phát triển mạnh
3. Mùa mưa, nước sông dâng cao
4. Loại đất chính ở đây là đất phù sa
5. Đất feralit có chứa nhiều sắt nên có màu xám
6. Môi trường nhiệt đới, đất đai dễ bị xói mòn
7. Rừng ở đây được bảo tồn tốt
8. Thực vật thay đổi dần về hai chí tuyến. Càng về chí tuyến càng phát triển mạnh
9. Xavan là cảnh quan tiêu biểu của môi trường này
10. Đây là môi trường có ít dân
11. Môi trường này thích hợp cho phát triển cây lương thực và cây CN
12. Việt Nam nằm trong môi trường này
13. Tài nguyên suy giảm nhanh là do dân số quá đông
14. Hoang mạc hóa đang diễn ra nhưng ko đáng kể ở đây

LUYỆN TẬP: sắp xếp, nối lại thành sơ đồ hoàn chỉnh, thể hiện các mối quan hệ nhân quả



BÀI 7. MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

1. Khí hậu



Xác định trên bản đồ khu vực hoạt động của gió mùa và xác định vị trí của Việt Nam trong lược đồ?

.....

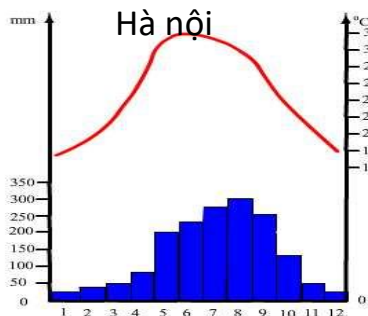
.....

.....

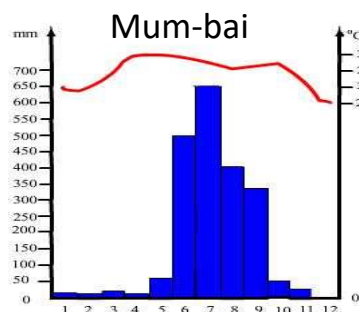
.....

? Quan sát lược đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội và Mum bai, hoàn thành bảng sau:

Địa điểm/Tiêu chí	Hà Nội (21 ⁰ B)	Mum – bai (19 ⁰ B)
Nhiệt độ cao nhất/tháng		
Nhiệt độ thấp nhất/tháng		
Biên độ nhiệt		
Các tháng mưa trên 100mm		
Các tháng khô hạn và ít mưa		
<i>Diễn biến nhiệt độ của Hà Nội và Mum – bai trong năm có gì khác nhau.</i>		
<i>Nêu đặc điểm chung nhất của khí hậu nhiệt đới gió mùa.</i>		



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Mum-bai (Ấn Độ)

2. Các đặc điểm khác của môi trường.



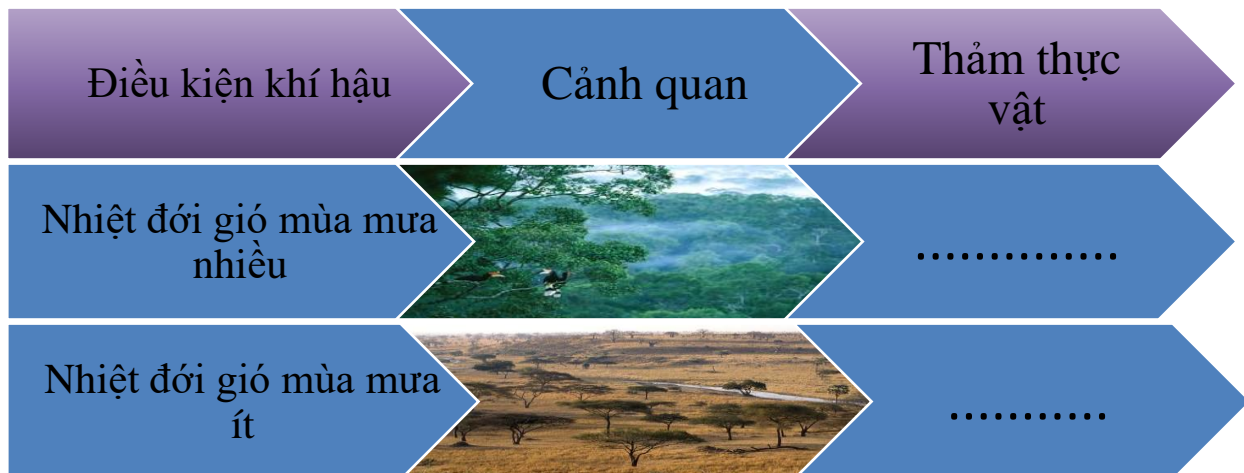
Quan sát 2 ảnh: Nhận xét về sự thay đổi của cảnh sắc thiên nhiên?

.....
.....
.....

Đọc đoạn thông tin sau:

“Môi trường nhiệt đới gió mùa có nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió. Mưa nhiều vào mùa gió thổi từ biển vào lục địa và mưa ít vào mùa gió thổi từ lục địa ra đại dương. Tuy lượng mưa vào mùa khô ít nhưng vẫn đủ ẩm để tạo nên thảm thực vật đa dạng và phong phú với nhiều tầng. Môi trường nhiệt đới gió mùa thích hợp trồng các cây trồng nhiệt đới như lúa nước, cao su, cà phê. Tuy nhiên, môi trường nhiệt đới gió mùa có thời tiết diễn biến thất thường, gây ảnh hưởng tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống con người”

Hãy điền tên các thảm thực vật tương ứng với các điều kiện khí hậu trong môi trường nhiệt đới gió mùa.



Nhiệt đới gió mùa ở
vùng cửa sông



.....

Vì sao môi trường nhiệt đới có nhiều dân cư sinh sống nhất thế giới.

.....
.....

LUYỆN TẬP: Chọn câu trả lời đúng

Câu 1. "Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường". Đặc điểm trên nói về môi trường tự nhiên nào?

- A. Môi trường xích đạo ẩm.
- B. Môi trường nhiệt đới gió mùa.
- C. Môi trường nhiệt đới.
- D. Môi trường ôn đới.

Câu 2. Môi trường nhiệt đới gió mùa phân bố điển hình ở khu vực nào trên Trái Đất?

- A. Nam Á, Đông Nam Á
- B. Nam Á, Đông Á
- C. Tây Nam Á, Nam Á.
- D. Bắc Á, Tây Phi.

Câu 3. Hướng gió chính vào mùa đông ở môi trường nhiệt đới gió mùa là:

- A. Tây Nam.
- B. Đông Bắc.
- C. Đông Nam.
- D. Tây Bắc.

Câu 4. Loại gió nào mang lại lượng mưa lớn cho môi trường nhiệt đới gió mùa?

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. gió Tín phong.
- D. gió Đông Nam.

Câu 5. Sự thất thường trong chế độ mưa ở môi trường nhiệt đới gió mùa đã gây ra thiên tai nào sau đây?

- A. động đất, sóng thần.
- B. bão, lốc.
- C. hạn hán, lũ lụt.
- D. núi lửa

BÀI 10. DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

1. Dân số:

Theo em thế nào là di dân?

.....
.....

Theo em ở đới nóng có những hình thức di dân nào? Sự khác nhau giữa những hình thức di dân đó?

.....
.....
.....

Quan sát một số hình dưới đây và với hiểu biết của em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến sự di dân ở đới nóng?



Kế hoạch di dân khu phố cổ ra khu đô thị mới Việt Hưng, Sài Đồng



⇒

2. Sức ép của của dân số tới tài nguyên, môi trường:

- Biểu đồ bình quân lương thực đầu người: giảm từ 100% xuống còn 80%. Nêu nguyên nhân giảm?

.....
.....

- Biện pháp để tăng bình quân lương thực đầu người lên là gì?

.....
.....

- Phân tích bảng số liệu dân số và rừng ở Đông Nam Á năm 1980 - 1990) và nhận xét.

.....
.....

.....
.....

LUYỆN TẬP

- Sức ép của dân số đông làm cho tài nguyên thiên nhiên như thế nào? Các tác động tiêu cực của dân số đến môi trường?

.....
.....
.....
.....